

Bản án số: 229/2020/HS-PT

Ngày: 15-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 750/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 397/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2020/QĐPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc H. Th, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1975 tại Sài Gòn; Nơi đăng ký thường trú: 618/16 QT, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 53/56 PVH, xã XTTh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nguyên nhân viên Ngân hàng BPCE IOM - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị B.N; Bị cáo có vợ và 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày: 01/9/2018 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Hải Bình, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Anh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại: Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông J, sinh năm 1964; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Phan Tr. N, sinh năm: 1985; Chức vụ: Chuyên viên Quản trị rủi ro và Tuân thủ (vắng mặt).

2/ Bà Đặng Nh. Y, sinh năm: 1990; Chức vụ: Trưởng phòng Tuân thủ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hoàng X.T, sinh năm: 1958; Trú tại: 372/21B CM, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Ông Trần A. Th, sinh năm: 1971; Trú tại: 5 Đường S, KP3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Ông Lê N. T, sinh năm: 1959; Trú tại: số 62A Đường S, cư xá G, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4/ Bà Huỳnh Thị H. N, sinh năm: 1966; Thường trú: số 89/976 Lê Đ. Th, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số 66 đường số 20 phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tên viết tắt: BPCE IOM - HCMC) có chủ sở hữu là Ngân hàng BPCE International et Outre - Mer, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0301236168, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/1992, có trụ sở tại Tầng 21, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 54, 543). BPCE IOM - HCMC không ban hành văn bản cụ thể quy định về quản lý, bảo quản tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá cũng như văn bản quy chế, quy định nhiệm vụ, phương thức hoạt động mà chỉ phát hành tài liệu “Hướng dẫn nghiệp vụ ngân quỹ” vào tháng 9/2014 (dựa theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước) và được Ngân hàng Nhà nước ghi nhận tại đợt thanh tra quý 4/2014.

Từ tháng 3/2017, BPCE IOM - HCMC đưa vào sử dụng phần mềm kế toán Amplitude, mỗi nhân viên tùy vào chức danh, công việc được giao sẽ được Ngân hàng cấp tên và mật khẩu đăng nhập vào hệ thống quản trị Amplitude, trình duyệt 1 cấp (phòng), không qua Ban Giám đốc. Phòng Ngân quỹ do ông Hoàng X. T (Trưởng bộ phận nghiệp vụ) quản lý, bà Lê Thị Th. H (Trưởng phòng) và bà Huỳnh Thị H. N (Phó phòng). Việc kiểm quỹ tiền mặt tiến hành theo quy trình: Vào cuối ngày làm việc (khoảng sau 16 giờ 00), quỹ tổng của BPCE IOM - HCMC chỉ được “đóng” sau khi quỹ quỳ (do ông Lê N. T, nhân

viên phòng Ngân quỹ phụ trách) “đóng”, lúc này Báo cáo kiểm quỹ tiền mặt trong ngày (do bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th phụ trách) được bị cáo in ra từ hệ thống, thể hiện các thông tin: số dư đầu ngày, số dư cuối ngày của quỹ quỹ và quỹ tổng, các giao dịch nội bộ giữa quỹ tổng với quỹ quỹ và ngược lại (số dư ngày làm việc trước sẽ là số dư đầu ngày của ngày làm việc tiếp theo), bà N hoặc bà H có trách nhiệm kiểm quỹ trong ngày và ký tên xác nhận trên Báo cáo kiểm quỹ tiền mặt trong ngày và Bảng kê tiền mặt kèm theo. Sau khi kết thúc kiểm quỹ, bị cáo đưa tiền mặt cất vào két sắt trong kho quỹ, khóa két bằng chìa khóa, khóa cửa kho quỹ bằng chìa khóa và mật mã, đồng thời ký tên, dán niêm phong trên cửa kho quỹ. Ngoài thực hiện kiểm quỹ tiền mặt trong ngày, Ngân hàng còn quy định kiểm quỹ vào giữa tháng (nửa đầu tháng có 01 nhân viên Phòng kinh doanh tiền tệ - ông Trà A. Th, nửa tháng sau có nhân viên thuộc bộ phận chuyển ngân tiến hành kiểm quỹ); kiểm quỹ đột xuất trong tháng (do Trưởng Bộ phận nghiệp vụ và nhân viên Phòng Kế toán kiểm quỹ bất ngờ vào ngày bất kỳ trong tháng) và kiểm quỹ cuối năm vào ngày làm việc cuối cùng của năm, thực hiện dưới sự giám sát của Ban Giám đốc, Trưởng Bộ phận nghiệp vụ, Phòng Kế toán, kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài.

Năm 1995, bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th được tuyển dụng vào làm việc tại Phòng Ngân quỹ Ngân hàng. Năm 2017, bị cáo được phân công là nhân viên phòng Ngân quỹ, việc cụ thể: quản lý phần quỹ được giao (gồm tiền VNĐ và ngoại tệ), thu và chi tiền mặt với khách hàng giao dịch, kiểm tra chéo khi giao dịch nhận tiền hoặc rút tiền từ khách hàng hay từ Ngân hàng khác, lập danh mục các loại tiền làm căn cứ đối chiếu khi chi, thu và hậu kiểm, giữ khóa két sắt, giữ khóa cửa và mã khóa phòng Ngân quỹ, phối hợp với bộ phận chuyển ngân để kiểm quỹ cuối giờ giao dịch hằng ngày, nhập dữ liệu tiền chuyển về trong nước và ngoài nước Việt Nam (gọi là thanh toán điện tử liên Ngân hàng) để trình phụ trách ký, duyệt phát hành. Quá trình làm việc, bị cáo biết hệ thống chương trình Amplitude mới đưa vào sử dụng còn khiếm khuyết (không có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận nghiệp vụ) nên nảy sinh ý định chiếm dụng tiền trong kho quỹ để sử dụng cá nhân, sau đó hoàn trả vào. Để thực hiện hành vi, Th sử dụng quyền đăng nhập vào hệ thống Amplitude thực hiện các giao dịch phê duyệt 01 cấp (không cần phê duyệt của lãnh đạo) để chuyển tiền từ tài khoản quỹ tổng tiền VNĐ, USD, EUR (do bị cáo phụ trách) đến tài khoản trung gian, mục đích làm sai lệch Báo cáo kiểm quỹ tiền mặt trong ngày bằng cách đăng nhập (bằng tên và mật khẩu do Ngân hàng cấp riêng cho Th) vào hệ thống Amplitude, chuyển bằng đúng số tiền bị cáo đã lấy từ tài khoản quỹ tổng, cụ thể:

- Đối với tài khoản VNĐ: bị cáo Th chuyển từ tài khoản số 81000000100 - Vault Counter VNĐ đến tài khoản trung gian số 83656105300, nội dung “Local Currency Cash Funding” (giao dịch chuyển tiền mặt, tức là ghi giảm tài khoản quỹ tổng của tiền VNĐ và ghi tăng tài khoản trung gian);

- Đối với tài khoản ngoại tệ: theo quy định, số dư tại tài khoản trung gian vào cuối ngày phải được hạch toán nên lúc 16 giờ 51 phút và lúc 16 giờ 53 phút, bị cáo thực hiện các giao dịch phê duyệt 01 cấp từ tài khoản trung gian đến tài khoản quỹ tổng tiền USD và tài khoản quỹ tổng tiền EUR của BPCE IOM -

HCMC, nội dung giao dịch “F/Curr Cash Funding” (giao dịch chuyển tiền mặt, tức ghi tăng tài khoản quỹ tổng USD, EUR và ghi giảm tài khoản trung gian). Bị cáo chuyển từ tài khoản số 81000000200 – Vault Counter USD và tài khoản số 81000000300 – Vault Counter EUR đến tài khoản trung gian số 83656105300 của BPCE IOM - HCMC, nội dung “F/Curr Cash Funding” (giao dịch chuyển tiền mặt, tức là ghi giảm tài khoản quỹ tổng tiền USD, EUR và ghi tăng tài khoản trung gian).

Sau đó, bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th in Bảng kê tiền mặt từ hệ thống Amplitude. Vì vậy, khi tiến hành kiểm quỹ tiền mặt trong ngày, người phụ trách kiểm quỹ thấy số tiền thực tế khớp đúng với số liệu trên Báo cáo do bị cáo in ra nên ký tên xác nhận.

Nguyễn Ngọc H. Th thực hiện mở niêm phong và lấy tiền vào cuối ngày, khi vắng người và thường thực hiện việc lấy tiền vào ngày cuối tuần trước, sau đó trả lại kho quỹ vào ngày đầu tuần tiếp theo. Từ ngày 16/5/2017 đến ngày 30/6/2017, với phương thức này, bị cáo nhiều lần lấy tiền từ két sắt và kho quỹ sau đó trả lại đủ vào trước lúc kiểm đếm quỹ tiền mặt; lần lấy nhiều nhất là 30.000 EUR và 25.000 USD, lần lấy ít nhất là 50.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2017, bị cáo không còn khả năng hoàn trả lại tiền vào kho quỹ Ngân hàng.

Ngày 03/7/2017, bị cáo Th tường trình đến Ban Giám đốc, thừa nhận việc chiếm đoạt tổng số tiền 2.100.000.000 đồng, 25.000 USD và 30.000 EUR (BL 51-53). Kết quả kiểm tra, đối chiếu trên hệ thống kế toán, BPCE IOM - HCMC xác định số tiền thất thoát đúng với số tiền bị cáo tường trình (Văn bản số 035/2019/BPCEIOM-COM ngày 15/4/2019 - BL 380A). Sau ngày 03/7/2017, bị cáo đã trả tổng cộng 470.199.065 đồng (bao gồm 160.000.000 đồng BPCE IOM - HCMC xác nhận tại Đơn tố cáo ngày 25/7/2017 và 310.199.065 đồng là khoản tiền bị cáo được nhận trợ cấp thôi việc - BL 155).

Ngày 25/7/2017, BPCE IOM - HCMC có Đơn Tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 49-50).

Tại bản Cáo trạng số 225/CT-VKS-P3 ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th về “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 385/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th phạm “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175, các điểm s, b, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Nguyễn Ngọc H. Th 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2018.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trong việc không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 23/10/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, không oan, sai và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Nguyễn Ngọc H. Th là nhân viên phòng Ngân quỹ của Ngân hàng Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng kẽ hở trong hệ thống quản lý của Ngân hàng, từ ngày 16/5/2017 đến ngày 30/6/2017, bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng tổng cộng 3.343.450.000 đồng (bao gồm cả tiền VNĐ và ngoại tệ). Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, b, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo 11 năm tù là có căn cứ, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th trình bày:

Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

Về hình phạt: Luật sư xác định 3 tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là chính xác. Tuy nhiên, phía Ngân hàng đã có văn bản xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại, đây được xem là bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Th đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th: Đơn kháng cáo của bị cáo Th được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận tội của Nguyễn Ngọc H. Th tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để xác định:

Nguyễn Ngọc H. Th là nhân viên Phòng Ngân quỹ của Ngân hàng Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình làm việc, bị cáo biết hệ thống chương trình Amplitude mới đưa vào sử dụng còn khiếm khuyết (không có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận nghiệp vụ). Th sử dụng quyền đăng nhập vào hệ thống Amplitude thực hiện các giao dịch phê duyệt 01 cấp (không cần phê duyệt của lãnh đạo) để chuyển tiền từ tài khoản quỹ tổng tiền VNĐ, USD, EUR (do bị cáo phụ trách) đến tài khoản trung gian, mục đích làm sai lệch Báo cáo kiểm quỹ tiền mặt trong ngày bằng cách đăng nhập (bằng tên và mật khẩu do Ngân hàng cấp riêng cho Th) vào hệ thống Amplitude, chuyển bằng đúng số tiền bị cáo đã lấy từ tài khoản quỹ tổng. Bằng thủ đoạn này, từ ngày 16/5/2017 đến ngày 30/6/2017, bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng tổng cộng 3.343.450.000 đồng (bao gồm cả tiền VNĐ và ngoại tệ).

Nguyễn Ngọc H. Th là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được rằng, hành vi chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng là trái pháp luật và sẽ bị trừng trị. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, chơi game và trả cho các khoản nợ khác, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của Ngân hàng, được pháp luật bảo vệ. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, b, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo 11 năm tù là có căn cứ và đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 397/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175, các điểm s, b, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Nguyễn Ngọc H. Th 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2018.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc H. Th phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.